TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Kim Oanh;

Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 494/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1978;

Thường trú: 7A/6, khu phố H, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1967;

Thường trú: 8/1, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Hiện đang chấp hành hình phạt tại Trại giam T;

Địa chỉ: Xã T, huyện H, tỉnh B.

Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng một năm thì chung sống với nhau vào năm 2006, không tổ chức lễ cưới. Đến năm 2008 bà và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Dn (nay là UBND phường Đ, thị xã D), tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 164/KH/2008, Quyển số 02 ngày 25/10/2008. Vợ chồng sống với nhau hạnh đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ít quan tâm đến gia đình, thường bỏ nhà đi, có khi đi qua đêm, bà T lên tiếng nhắc nhở thì ông T lớn tiếng chửi bới, đánh đập bà và đập phá đồ đạc trong gia đình. Do ông T hay đánh đập nên bà T ít khi về nhà, thường ở lại nơi kinh doanh, bà và ông T gần như sống ly thân. Cũng chính thời gian này, ông T đã thực hiện hành vi hiếp dâm ba người con riêng của bà T. Đến ngày 15/8/2014 ông T bị bắt, sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử 20 (hai mươi) năm tù về tội hiếp dâm trẻ em, ông T kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao xử ông T 18 năm tù, hiện ông T đang chấp hành án tại trại giam T, huyện H, tỉnh B. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Qúa trình chung sống giữa bà và ông T có hai con chung tên Trần Thị Minh T, sinh ngày 11/6/2007 và Trần Minh Đ, sinh ngày 11/3/2011, hiện hai cháu đang sống với bà T. Sau ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về nghĩa vụ chung về tài sản (các khoản nợ): Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2017 ông trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với bà Trần Thị T về thời gian tìm hiểu, thời gian chung sống và nơi đăng ký kết hôn nhưng không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn. Theo ông T, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T thường bỏ nhà đi đâu không rõ, không chăm sóc chồng con và bỏ bê gia đình. Ông T cũng đã nhiều lần khuyên nhủ bà T nhưng bà T không thay đổi. Trước khi ông bị bắt về hành vi hiếp dâm trẻ em thì vợ chồng cũng đã sống ly thân gần một năm. Ông T cũng xác định, ông không còn tình cảm với bà T, bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông T thống nhất với bà T qúa trình chung sống giữa bà T với ông có hai con chung tên Trần Thị Minh T, sinh ngày 11/6/2007 và Trần Minh Đ, sinh ngày 11/3/2011, hiện hai cháu đang sống với bà T. Sau ly hôn, ông đồng ý giao hai cháu T và Đ cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên bà T phải tạo điều kiện để các con được gặp gỡ ông, sau khi ông mãn hạn tù về phải tạo điều kiện để ông được gần gủi, chăm sóc các con. Về cấp dưỡng ông không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Về nghĩa vụ chung về tài sản (các khoản nợ): Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và các qui định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con với ông Trần Văn T, ông T có địa chỉ thường trú tại 8/1, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Trần Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng ông T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là UBND phường Đ), thị xã D, tỉnh Bình Dương vào ngày 25/10/2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 164/KH/2008, Quyển số 02 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Mặc dù, bà T và ông T không thống nhất về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng cả hai đều thừa nhận, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Bà Trần Thị T xác định tình cảm dành cho ông T không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu Tòa án không hòa giải đoàn tụ; bản thân ông T cũng thừa nhận không còn tình cảm với bà T và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trần Thị Minh T, sinh ngày 11/6/2007 và Trần Minh Đ, sinh ngày 11/3/2011. Trong thời gian trước đây cũng như hiện tại hai cháu Thư và Đạt ở với bà T, quá trình nuôi dưỡng con vẫn đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt; hiện tại ông T lại đang chấp hành hình phạt tù nên giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của

ông T . Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T về việc nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng bà T không đặt ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Trần Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn 164/KH/2008, Quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D (nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 25/10/2008).

2. Về con chung:

2.1 Ông Trần Văn T giao hai con chung Trần Thị Minh T, sinh ngày 11/6/2007 và Trần Minh Đ, sinh ngày 11/3/2011 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà Trần Thị T và ông Trần Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

2.2 Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009633 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);
- UBND xã phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm